

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẮC KẠN
TỈNH BẮC KẠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HS-ST

Ngày: 19/10/2023

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẮC KẠN – TỈNH BẮC KẠN**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Dương.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Bùi Văn Khiếu.

2. Ông Vũ Đình Hưng.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Xuân – **Thư ký**
Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn tham gia phiên tòa:
Bà Phùng Thị Thêu - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 10 năm 2023, tại hội trường xét xử của Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn. Tòa án nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 01/2023/HSST ngày 02/10/2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST - HS ngày 06 tháng 10 năm 2023 đối với bị cáo:

Hà Đức Ch (tên gọi khác: Không), sinh ngày 29 tháng 01 năm 1973 tại tỉnh B; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: Tổ N, phường H, thành phố B2, tỉnh B; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Tày; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Tiến S và bà Nông Thị H; có vợ là Khuất Thị Thanh Nh và 01 con (sinh năm 2010); tiền án: Không; tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại. Có mặt.

*** Bị hại:** 1. Bà Triệu Thị L, sinh năm 1962; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ B2, phường H, thành phố B1, tỉnh B. Vắng mặt.

2. Ông Hà Nhân H1, sinh năm 1972; nghề nghiệp: Lao động tự do; trú tại: Tổ N, phường H, thành phố B1. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Tối ngày 20/4/2023, Hà Đức Ch một mình đi dự đám cưới tại gia đình ông Hà Nhân H1 ở gần nhà Ch về muộn. Khi đi qua công trình xây dựng nhà ở của bà Triệu Thị L ngay sát nhà Ch thì thấy không có người trông coi. Do trước đó Ch thấy có 02 (hai) chiếc xe rửa làm bằng sắt, bánh làm bằng cao su để tại sân sau nhà bà L nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang về sử dụng. Thực hiện ý

định, Ch đi đến khu đất trống nhà bà L, sau đó trèo tường đi vào sân sau ngôi nhà, Ch đi xung quanh sân tìm tài sản thì thấy có 01(một) máy bơm nước được lắp đặt trong chiếc bể nhỏ xây bằng gạch ở góc sân nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang về sử dụng. Ch dùng hai tay tháo máy bơm nước rồi bê ra nơi để hai chiếc xe rửa và đặt máy bơm nước vào bên trong thùng của một chiếc xe rửa, sau đó đặt chiếc xe rửa còn lại lên bên trên máy bơm nước rồi đẩy xe rửa đi qua cửa chính ngôi nhà, ra đường và đi về nhà cất giấu. Sau khi cất giấu xong, Ch tiếp tục đi bộ xuống khu vực rạp tổ chức đám cưới của gia đình ông H1 thì thấy có nhiều ghế gấp, khung bằng sắt, phần đế ngồi và tựa lưng làm bằng nhựa màu đỏ của ông H vừa sử dụng trong đám cưới và không có người trông coi nên nảy sinh ý định trộm cắp tài sản mang về sử dụng. Ch dùng hai tay, mỗi tay xách 02 (hai) chiếc ghế, được tổng là 04 (bốn) chiếc ghế mang về nhà cất giấu. Sáng ngày 21/4/2023, Ch đem chiếc máy bơm nước đã trộm cắp được đi bộ đến nhà mẹ đẻ là bà Nông Thị H2 tại tổ 11, phường Ng, thành phố B1 để cất giấu. Khi cất giấu máy bơm thì Ch không nói cho ai biết.

Tại Kết luận định giá tài sản số 140/KL-HĐĐGTSTXTTTHS ngày 27/5/2023 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tổ tụng hình sự thành phố Bắc Kạn kết luận:

- Đối với 02 (hai) xe rửa đã qua sử dụng giá trị tài sản là: 210.000 đồng (Hai trăm mười nghìn đồng chẵn);

- Đối với 04 (bốn) chiếc ghế gấp bằng sắt đã qua sử dụng giá trị tài sản là: 958.336 đồng (Chín trăm năm mươi tám nghìn ba trăm ba mươi sáu đồng);

- Đối với 01 (một) máy bơm nước nhãn hiệu PANIE WATER PUMP 1.5DK – 20 đã qua sử dụng giá trị tài sản là: 1.286.459 đồng (Một triệu hai trăm tám mươi sáu nghìn bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng);

Tổng giá trị tài sản là 2.454.795 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi năm đồng)

Tại bản cáo trạng số 71/CT-VKSTP ngày 29/9/2023 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn, tỉnh Bắc Kạn đã truy tố đối với Hà Đức Ch về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Điều luật có nội dung:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng”.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bắc Kạn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Hà Đức Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự: Xử phạt bị cáo từ 06 đến 09 tháng tù cho hưởng án

treo, thời gian thử thách từ 12 đến 18 tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại không có yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

* Bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và thừa nhận việc truy tố, xét xử bị cáo là không oan, đúng người, đúng tội và xin hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau.

[1] Về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát nhân dân và Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã được thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi bị truy tố của bị cáo: Tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, lời khai nhận của bị cáo thống nhất với các lời khai tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của người bị hại, kết luận định giá tài sản và các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, có cơ sở khẳng định:

Tối ngày 20/4/2023, tại tổ N, phường H, thành phố B1, tỉnh B, Hà Đức Ch đã thực hiện hành vi lén lút trộm cắp 01 (một) máy bơm nước, 02 (hai) xe rửa; 04 (bốn) ghế gập là tài sản của bà Triệu Thị L, ông Hà Nhân H1 có tổng trị giá 2.454.795 đồng (Hai triệu bốn trăm năm mươi tư nghìn bảy trăm chín mươi năm đồng) để sử dụng.

Hành vi của bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Do vậy, việc truy tố, xét xử bị cáo về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm quyền sở hữu tài sản của người khác, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự địa phương, vì vậy cần xử lý nghiêm nhằm giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo Hội đồng xét xử thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, không có tiền án, tiền sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo ăn năn hối cải, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có bố để được Nhà nước tặng thưởng Huy chương kháng chiến và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú ổn định và rõ ràng, không phải chịu tình tiết tăng nặng và được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ. Hội đồng xét xử thấy bị cáo khả năng tự cải tạo, không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà chỉ cần xử phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo đồng thời cũng tạo điều kiện cho bị cáo cơ hội sửa chữa sai phạm của mình, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật và phòng ngừa chung.

* Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản, thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung "Phạt tiền" đối với bị cáo theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại đã nhận lại tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bị cáo phải bồi thường khoản gì thêm nên Hội đồng xét xử không xem xét.

* Về xử lý vật chứng: Đối 02 (hai) xe rửa; 04 (bốn) ghế gấp; 01 (một) máy bơm nước. Cơ quan điều tra đã trả lại cho bị hại là đúng quy định của pháp luật, bị hại không có ý kiến, đề nghị gì.

* Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

* Tuyên bố bị cáo Hà Đức Ch phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

* Áp dụng khoản 1 Điều 173; Điều 38; điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hà Đức Ch 06 (Sáu) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 12 (Mười hai) tháng, thời hạn tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân phường H, thành phố B1, tỉnh B giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật Thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo có ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bị cáo Hà Đức Ch phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm. Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự

nguyên thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh;
- VKSND tỉnh ;
- VKSND thành phố;
- Cơ quan **CSĐT** Công an thành phố;
- Cơ quan Thi hành án hình sự Công an thành phố;
- Chi cục THADS thành phố;
- Sở tư pháp;
- Bị cáo
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Thị Dương